

ĐỀ THI TUYỂN SINH VÀO LỚP 6 MÔN TOÁN TRƯỜNG MARIE CURIE

NĂM HỌC 2022 – 2023

Thời gian làm bài: 60 phút

Câu 1: Tích sau có tận cùng bao nhiêu chữ số 0?

$$23 \times 24 \times 25 \times 26 \times 27 \times 28 \times 29 \times 30 \times 31 \times 32$$

- A. 4 chữ số 0 B. 1 chữ số 0 C. 3 chữ số 0 D. 2 chữ số 0

Câu 2: Quãng đường AB dài 180km. Một ô tô đi $\frac{1}{6}$ quãng đường AB hết 35 phút, trên quãng

đường còn lại ô tô đi với vận tốc 40km/giờ. Hỏi ô tô đi hết quãng đường AB trong bao lâu?

- A. 4 giờ 20 phút B. 3 giờ 45 phút
C. 1 giờ 10 phút D. 45 phút

Câu 3: Một hình bình hành có độ dài đáy bằng 24cm, chiều cao bằng $\frac{3}{8}$ độ dài đáy. Diện tích của

hình bình hành đó là:

- A. 216cm² B. 108cm² C. 9cm² D. 216cm

Câu 4: Số đo thể tích nào lớn nhất trong các số đo dưới đây?

- A. 6,407m³ B. 6047 ℓ C. 6 $\frac{4}{7}$ m³ D. 6 470 000cm³

Câu 5: Hiệu số tuổi của bố và con là 30 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tuổi bố là:

- A. 6 tuổi B. 10 tuổi C. 24 tuổi D. 40 tuổi

Câu 6: Một hình thang có đáy lớn a , đáy bé là b , chiều cao là h (a , b , h cùng đơn vị đo) thì công thức tính diện tích S của hình thang đó là:

- A. $S = \frac{a+b \times h}{2}$ B. $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$
C. $S = (a+b) \times 2 \times h$ D. $S = \frac{a \times h}{2}$

Câu 7: Hình hộp chữ nhật có mặt, cạnh, ... đỉnh.

Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm là:

- A. 6 ; 12 ; 8 B. 8; 12; 6 C. 6; 8; 12 D. 12; 6; 8

Câu 8: Biết 1m³ nước bằng 1000 ℓ nước và mỗi chai nước chứa 0,75dm³ nước. Hỏi một bể chứa 2250 ℓ nước có thể đóng vào bao nhiêu chai nước nói trên?

- A. 300 chai B. 3000 ℓ C. 30 000 chai D. 3000 chai

Câu 9: Cho ba chữ số 2; 3; 5. Có bao nhiêu số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 5 được tạo thành từ ba chữ số trên?

- A. 9 số B. 7 số C. 2 số D. 6 số

Câu 10: Diện tích hình tam giác có độ dài đáy 4,7dm và chiều cao 35cm là:

- A. 16,45cm² B. 8,225dm² C. 82,25dm² D. 82,25cm²

Câu 11: Tỷ số phần trăm của 9 và 20 là:

- A. 0,45% B. 45% C. 4,5% D. 45

Câu 12: Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và chia hết cho 9 là:

- A. 9870 B. 9876 C. 9873 D. 9999

Câu 13: Trường hợp nào dưới đây làm diện tích hình chữ nhật giảm đi 40%?

- A. Giảm chiều rộng đi 15%, giảm chiều dài đi 25%
 B. Giảm chiều rộng đi 25%, giảm chiều dài đi 15%
 C. Giảm chiều rộng đi 40%, giữ nguyên chiều dài
 D. Cùng giảm chiều dài và chiều rộng đi 20%

Câu 14: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để 56g =kg là:

- A. 5,6 B. 56 000 C. 0,056 D. 0,56

Câu 15: Phân số $\frac{25}{8}$ viết dưới dạng phân số thập phân là:

- A. 3,125 B. $\frac{31250}{10000}$ C. 312,5% D. $\frac{100}{32}$

Câu 16: Nếu gấp bán kính của hình tròn lên 3,5 lần thì chu vi hình tròn đó gấp lên số lần là:

- A. 3,5 lần B. 12,25 lần C. 14 lần D. 7 lần

Câu 17: Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm để 32,...8 < 32,18 là:

- A. 8 B. 4 C. 9 D. 0

Câu 18: Cho một số tự nhiên gồm các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 2021 được viết theo thứ tự liền nhau như sau:

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 ... 2019 2020 2021

Tính tổng của tất cả các chữ số đó.

- A. 27 851 B. 27 850 C. 28 149 D. 28 150

Câu 19: Tuổi trung bình của cô giáo và 29 học sinh là 12 tuổi. Biết tuổi của cô giáo nhiều hơn tuổi trung bình của 29 học sinh là 30 tuổi. Tính tuổi của cô giáo.

- A. 41 tuổi B. 33 tuổi C. 36 tuổi D. 30 tuổi

Câu 20: Thể tích của hình lập phương có độ dài cạnh bằng 2,6dm là:

- A. 6,76dm³ B. 40,56dm³ C. 17 576dm³ D. 17,576dm³

Câu 21: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài bằng 560m, chiều rộng bằng 250m. Tính chu vi của mảnh đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000.

- A. 0,81m B. 0,162m C. 162cm D. 81cm

Câu 22: Khi dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân sang bên trái một chữ số, số đó thay đổi thế nào?

- A. Gấp 100 lần B. Gấp 10 lần C. Giảm 100 lần D. Giảm 10 lần

Câu 23: Số thập phân gồm 3 đơn vị, 4 phần mười, 6 phần nghìn là:

- A. 3,046 B. 0,346 C. 3,406 D. 3,46

Câu 24: Tìm x , biết $4 \times x = 7$ giờ 40 phút.

- A. $x = 155$ phút B. $x = 29$ giờ 40 phút
C. $x = 1$ giờ 55 phút D. $x = 1$ giờ 15 phút

Câu 25: Một người thợ may 5 cái quần hết 4 giờ và may 5 cái áo hết 3 giờ 20 phút. Thời gian trung bình để may mỗi bộ quần áo như vậy là:

- A. 44 phút B. 7 giờ 20 phút
C. 1 giờ 28 phút D. 1 giờ 4 phút

Câu 26: Đổi $50\ 326\text{m}^2 = \dots\dots\dots$ ha $\dots\dots\dots$ m^2 , ta được kết quả là:

- A. 503ha 26m^2 B. 5ha 326m^2
C. 5ha 3260m^2 D. 50ha 326m^2

Câu 27: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để 276 phút = $\dots\dots\dots$ giờ là:

- A. 4,06 B. 16 560 C. 2,36 D. 4,6

Câu 28: Dãy số thập phân nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

- A. 9,697; 9,769; 9,796; 9,976
B. 8,697; 8,769; 8,976; 8,967
C. 13,097; 13,079; 13,907; 13,709
D. 45,326; 45,336; 43,999; 46,73

Câu 29: Một hình hộp chữ nhật có chiều dài, chiều rộng, chiều cao lần lượt là 4,5cm; 3,5cm; 2,8cm. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là:

- A. $76,3\text{cm}^2$ B. $44,8\text{cm}^2$ C. $31,5\text{cm}^2$ D. $22,4\text{cm}^2$

Câu 30. Phân số $\frac{18}{7}$ bằng hỗn số nào dưới đây?

- A. $2\frac{4}{7}$ B. $2\frac{1}{7}$ C. $2\frac{3}{7}$ D. $2\frac{2}{7}$

Câu 31: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $\frac{2}{5}$ km = $\dots\dots$ m là:

- A. 40 B. 400 C. 0,4 D. 25

Câu 32: 250% bằng:

- A. $\frac{25}{1000}$ B. $\frac{25}{100}$ C. $2\frac{1}{20}$ D. $2\frac{1}{2}$

Câu 33: Biết $\frac{2}{5}$ chiều dài của một mảnh đất hình chữ nhật là 10m, chiều dài hơn chiều rộng 7m.

Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. $450m^2$ B. $44m^2$ C. $800m^2$ D. $28m^2$

Câu 34: Biết 12 người làm xong một công việc trong 8 ngày. Hỏi muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày cần bao nhiêu người? (mức làm của mỗi người như nhau)

- A. 24 ngày B. 6 ngày C. 6 người D. 24 người

Câu 35: Phát biểu nào dưới đây *sai*?

- A. Mọi phân số có tử số bằng mẫu số đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
 B. Mọi phân số có mẫu số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
 C. Mọi phân số có tử số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
 D. Phân số có tử số bằng 0 có giá trị bằng 0.

Câu 36: Một vận động viên chạy được 576m trong 1 phút 36 giây. Vận tốc chạy của vận động viên đó là:

- A. 6m B. 6m/phút C. 6m/giây D. 6km/giờ

Câu 37: Mua 12 chiếc bút chì phải trả 54 000 đồng. Mua 5 chiếc bút chì như vậy phải trả số tiền là:

- A. 22 500 đồng B. 20 500 đồng
 C. 27 000 đồng D. 45 000 đồng

Câu 38: Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng 2,4m, chiều rộng bằng 1,5m, chiều cao bằng 1,2m. Khi bể chứa đầy nước, người ta tháo ra $1,5m^3$ nước. Hỏi sau khi tháo, trong bể còn lại bao nhiêu mét khối nước?

- A. $2,82dm^3$ B. $2,82m^3$ C. $4,32 m^3$ D. $5,82 m^3$

Câu 39: Năm nay mẹ hơn con 28 tuổi. Hỏi 10 năm nữa mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?

- A. 48 tuổi B. 28 tuổi C. 18 tuổi D. 38 tuổi

Câu 40: Số thập phân 0,36 viết thành phân số tối giản là:

- A. $\frac{18}{5}$ B. $\frac{18}{50}$ C. $\frac{9}{25}$ D. $\frac{9}{20}$

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

Câu 1: Tích sau có tận cùng bao nhiêu chữ số 0?

$$23 \times 24 \times 25 \times 26 \times 27 \times 28 \times 29 \times 30 \times 31 \times 32$$

- A. 4 chữ số 0 B. 1 chữ số 0 C. 3 chữ số 0 D. 2 chữ số 0

Cách giải

Ta có trong tích có thừa số 30 cho 1 chữ số 0 ở tận cùng.

Lại có $25 = 5 \times 5$

Mỗi số chẵn nhân với số có tận cùng là 5 cho 1 chữ số 0 ở tận cùng.

Vậy tích trên có tận cùng là 3 chữ số 0.

Chọn C

Câu 2: Quãng đường AB dài 180km. Một ô tô đi $\frac{1}{6}$ quãng đường AB hết 35 phút, trên quãng

đường còn lại ô tô đi với vận tốc 40km/giờ. Hỏi ô tô đi hết quãng đường AB trong bao lâu?

- A. 4 giờ 20 phút B. 3 giờ 45 phút
C. 1 giờ 10 phút D. 45 phút

Cách giải

$$\text{Quãng đường ô tô đi với vận tốc 40km/giờ là } 180 \times \left(1 - \frac{1}{6}\right) = 150 \text{ (km)}$$

Thời gian ô tô đi trên quãng đường còn lại là $150 : 40 = 3,75$ giờ = 3 giờ 45 phút

Thời gian ô tô đi hết quãng đường AB là

$$35 \text{ phút} + 3 \text{ giờ } 45 \text{ phút} = 4 \text{ giờ } 20 \text{ phút}$$

Chọn A

Câu 3: Một hình bình hành có độ dài đáy bằng 24cm, chiều cao bằng $\frac{3}{8}$ độ dài đáy. Diện tích của

hình bình hành đó là:

- A. 216cm^2 B. 108cm^2 C. 9cm^2 D. 216cm

Cách giải

$$\text{Chiều cao của hình bình hành là } 24 \times \frac{3}{8} = 9 \text{ (cm)}$$

$$\text{Diện tích hình bình hành là } 24 \times 9 = 216\text{cm}^2$$

Chọn A.

Câu 4: Số đo thể tích nào lớn nhất trong các số đo dưới đây?

- A. $6,407\text{m}^3$ B. 6047ℓ C. $6\frac{4}{7}\text{m}^3$ D. $6\,470\,000\text{cm}^3$

Cách giải

$$\text{Đổi } 6047 \ell = 6047 \text{ dm}^3 = 6,047 \text{ m}^3$$

$$6\,470\,000 \text{ cm}^3 = 6,470 \text{ m}^3$$

Chọn D

Câu 5: Hiệu số tuổi của bố và con là 30 tuổi. Tuổi con bằng $\frac{1}{4}$ tuổi bố. Tuổi bố là:

- A. 6 tuổi B. 10 tuổi C. 24 tuổi D. 40 tuổi

Cách giải

$$\text{Tuổi bố là } 30 : (4 - 1) \times 4 = 40 \text{ (tuổi)}$$

Chọn D

Câu 6: Một hình thang có đáy lớn a , đáy bé là b , chiều cao là h (a, b, h cùng đơn vị đo) thì công thức tính diện tích S của hình thang đó là:

A. $S = \frac{a+b \times h}{2}$ B. $S = \frac{(a+b) \times h}{2}$

C. $S = (a+b) \times 2 \times h$ D. $S = \frac{a \times h}{2}$

Cách giải

$$\text{Công thức tính diện tích } S \text{ của hình thang là } S = \frac{(a+b) \times h}{2}$$

Chọn B

Câu 7: Hình hộp chữ nhật có mặt, cạnh, ... đỉnh.

Số thích hợp lần lượt điền vào chỗ chấm là:

- A. 6 ; 12 ; 8 B. 8; 12; 6 C. 6; 8; 12 D. 12; 6; 8

Cách giải

Hình hộp chữ nhật có **6** mặt, **12** cạnh, **8** đỉnh.

Chọn A

Câu 8: Biết 1 m^3 nước bằng 1000 ℓ nước và mỗi chai nước chứa $0,75 \text{ dm}^3$ nước. Hỏi một bể chứa 2250 ℓ nước có thể đóng vào bao nhiêu chai nước nói trên?

- A. 300 chai B. 3000 ℓ C. 30 000 chai D. 3000 chai

Cách giải

$$\text{Đổi } 2250 \ell = 2250 \text{ dm}^3$$

$$\text{Vậy } 2250 \ell \text{ nước có thể đóng vào số chai là } 2250 : 0,75 = 3000 \text{ (chai)}$$

Chọn D

Câu 9: Cho ba chữ số 2; 3; 5. Có bao nhiêu số tự nhiên có ba chữ số chia hết cho 5 được tạo thành từ ba chữ số trên?

- A. 9 số B. 7 số C. 2 số D. 6 số

Cách giải

Các số có ba chữ số chia hết cho 5 được tạo thành từ ba chữ số 2 ; 3 ; 5 là 235, 325, 525, 225, 335, 535, 255, 355, 555.

Chọn A

Câu 10: Diện tích hình tam giác có độ dài đáy 4,7dm và chiều cao 35cm là:

- A. 16,45cm² B. 8,225dm² C. 82,25dm² D. 82,25cm²

Cách giải

Đổi 35 cm = 3,5 dm

Diện tích hình tam giác là $4,7 \times 3,5 : 2 = 8,225$ (dm²)

Chọn B

Câu 11: Tỷ số phần trăm của 9 và 20 là:

- A. 0,45% B. 45% C. 4,5% D. 45

Cách giải

Tỷ số phần trăm của 9 và 20 là $9 : 20 = 0,45 = 45\%$

Chọn B

Câu 12: Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và chia hết cho 9 là:

- A. 9870 B. 9876 C. 9873 D. 9999

Cách giải

Số lớn nhất có bốn chữ số khác nhau và chia hết cho 9 là 9873

Chọn C.

Câu 13: Trường hợp nào dưới đây làm diện tích hình chữ nhật giảm đi 40%?

- A. Giảm chiều rộng đi 15%, giảm chiều dài đi 25%
 B. Giảm chiều rộng đi 25%, giảm chiều dài đi 15%
 C. Giảm chiều rộng đi 40%, giữ nguyên chiều dài
 D. Cùng giảm chiều dài và chiều rộng đi 20%

Cách giải

Trường hợp làm diện tích hình chữ nhật giảm đi 40% là giảm chiều rộng đi 40%, giữ nguyên chiều dài.

Chọn C.

Câu 14: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $56g = \dots\dots kg$ là:

- A. 5,6 B. 56 000 C. 0,056 D. 0,56

Cách giải

Ta có $56g = \frac{56}{1000} kg = 0,056 kg$

Chọn C

Câu 15: Phân số $\frac{25}{8}$ viết dưới dạng phân số thập phân là:

- A. 3,125 B. $\frac{31250}{10000}$ C. 312,5% D. $\frac{100}{32}$

Cách giải

$$\text{Ta có } \frac{25}{8} = \frac{25 \times 1250}{8 \times 1250} = \frac{31250}{10000}$$

Chọn B

Câu 16: Nếu gấp bán kính của hình tròn lên 3,5 lần thì chu vi hình tròn đó gấp lên số lần là:

- A. 3,5 lần B. 12,25 lần C. 14 lần D. 7 lần

Cách giải

Chu vi hình tròn là $r \times 2 \times 3,14$

Nếu gấp bán kính của hình tròn lên 3,5 lần thì chu vi hình tròn là $3,5 \times r \times 2 \times 3,14$

⇒ Gấp 3,5 lần

Chọn A

Câu 17: Chữ số thích hợp điền vào chỗ chấm để $32, \dots 8 < 32,18$ là:

- A. 8 B. 4 C. 9 D. 0

Cách giải

Ta có $32,08 < 32,18$

Chọn D

Câu 18: Cho một số tự nhiên gồm các số tự nhiên liên tiếp từ 1 đến 2021 được viết theo thứ tự liền nhau như sau:

1 2 3 4 5 6 7 8 9 10 11 12 13 ... 2019 2020 2021

Tính tổng của tất cả các chữ số đó.

- A. 27 851 B. 27 850 C. 28 149 D. 28 150

Cách giải

$$\underbrace{(0 + 1 + 9 + 9 + 9) + (1 + 1 + 9 + 9 + 8) + (2 + 1 + 9 + 9 + 7) + \dots}_{1000 \text{ nhóm}}$$

$$+ 2 + 0 + 0 + 0 + 2 + 0 + 0 + 1 + 2 + 0 + 0 + 2 + \dots + 2 + 0 + 0 + 9$$

$$+ 2 + 0 + 1 + 0 + 2 + 0 + 1 + 1 + 2 + 0 + 1 + 2 + \dots +$$

$$2 + 0 + 1 + 9 + 2 + 0 + 2 + 0 + 2 + 0 + 2 + 1$$

$$= 28 \times 1000 + 2 + 3 + 4 + \dots + 11 + 3 + 4 + 5 + \dots + 12 + 4 + 5$$

= 28149

Chọn C

Câu 19: Tuổi trung bình của cô giáo và 29 học sinh là 12 tuổi. Biết tuổi của cô giáo nhiều hơn tuổi trung bình của 29 học sinh là 30 tuổi. Tính tuổi của cô giáo.

A. 41 tuổi B. 33 tuổi C. 36 tuổi D. 30 tuổi

Cách giải

Tuổi của cô giáo và 29 học sinh là $12 \times 30 = 360$ (tuổi)

Tuổi trung bình của học sinh là $(360 - 30) : 30 = 11$ (tuổi)

Tuổi của cô giáo là $11 + 30 = 41$ (tuổi)

Chọn A

Câu 20: Thể tích của hình lập phương có độ dài cạnh bằng 2,6dm là:

A. 6,76dm³ B. 40,56dm³ C. 17 576dm³ D. 17,576dm³

Cách giải

Thể tích của hình lập phương là $2,6 \times 2,6 \times 2,6 = 17 576$ (dm³)

Chọn C

Câu 21: Một mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài bằng 560m, chiều rộng bằng 250m. Tính chu vi của mảnh đất đó trên bản đồ tỉ lệ 1 : 1000.

A. 0,81m B. 0,162m C. 162cm D. 81cm

Cách giải

Đổi 560 m = 56000 cm ; 250m = 25000 cm

Chiều dài mảnh đất trên bản đồ là $56000 : 1000 = 56$ (cm)

Chiều rộng mảnh đất trên bản đồ là $25000 : 1000 = 25$ (cm)

Chu vi mảnh đất trên bản đồ là $(56 + 25) \times 2 = 162$ (cm)

Chọn C

Câu 22: Khi dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân sang bên trái một chữ số, số đó thay đổi thế nào?

A. Gấp 100 lần B. Gấp 10 lần C. Giảm 100 lần D. Giảm 10 lần

Cách giải

Khi dịch chuyển dấu phẩy của số thập phân sang bên trái một chữ số thì số đó giảm 10 lần.

Chọn D

Câu 23: Số thập phân gồm 3 đơn vị, 4 phần mười, 6 phần nghìn là:

A. 3,046 B. 0,346 C. 3,406 D. 3,46

Cách giải

Số thập phân gồm 3 đơn vị, 4 phần mười, 6 phần nghìn là 3,406

Chọn C

Câu 24: Tìm x , biết $4 \times x = 7$ giờ 40 phút.

A. $x = 155$ phút

B. $x = 29$ giờ 40 phút

C. $x = 1$ giờ 55 phút

D. $x = 1$ giờ 15 phút

Cách giải

$$4 \times x = 7 \text{ giờ } 40 \text{ phút}$$

$$x = 7 \text{ giờ } 40 \text{ phút} : 4$$

$$x = 1 \text{ giờ } 55 \text{ phút}$$

Chọn C

Câu 25: Một người thợ may 5 cái quần hết 4 giờ và may 5 cái áo hết 3 giờ 20 phút. Thời gian trung bình để may mỗi bộ quần áo như vậy là:

A. 44 phút

B. 7 giờ 20 phút

C. 1 giờ 28 phút

D. 1 giờ 4 phút

Cách giải

Thời gian để may 1 cái quần là

$$4 \text{ giờ} : 5 = 0,8 \text{ giờ} = 48 \text{ phút}$$

Thời gian để may 1 cái áo là

$$3 \text{ giờ } 20 \text{ phút} : 5 = 40 \text{ phút}$$

Thời gian trung bình để may mỗi bộ quần áo như vậy là:

$$48 \text{ phút} + 40 \text{ phút} = 88 \text{ phút} = 1 \text{ giờ } 28 \text{ phút}$$

Chọn C

Câu 26: Đổi $50\,326\text{m}^2 = \dots\dots \text{ha } \dots\dots \text{m}^2$, ta được kết quả là:

A. $503\text{ha } 26\text{m}^2$

B. $5\text{ha } 326\text{m}^2$

C. $5\text{ha } 3260\text{m}^2$

D. $50\text{ha } 326\text{m}^2$

Cách giải

$$50\,326\text{m}^2 = 5 \text{ ha } 326 \text{ m}^2$$

Chọn B

Câu 27: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $276 \text{ phút} = \dots\dots \text{giờ}$ là:

A. 4,06

B. 16 560

C. 2,36

D. 4,6

Cách giải

$$276 \text{ phút} = \frac{276}{60} \text{ giờ} = 4,6 \text{ giờ}$$

Chọn D

Câu 28: Dãy số thập phân nào dưới đây được sắp xếp theo thứ tự tăng dần?

A. 9,697; 9,769; 9,796; 9,976

B. 8,697; 8,769; 8,976; 8,967

C. 13,097; 13,079; 13,907; 13,709

D. 45,326; 45,336; 43,999; 46,73

Cách giải

Dãy số thập phân được sắp xếp theo thứ tự tăng dần là 9,697; 9,769; 9,796; 9,976

Chọn A

Câu 29: Một hình hộp chữ nhật có chiều dài, chiều rộng, chiều cao lần lượt là 4,5cm; 3,5cm; 2,8cm. Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là:

A. 76,3cm²

B. 44,8cm²

C. 31,5cm²

D. 22,4cm²

Cách giải

Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật đó là:

$$(4,5 + 3,5) \times 2 \times 2,8 = 44,8 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Chọn B

Câu 30. Phân số $\frac{18}{7}$ bằng hỗn số nào dưới đây?

A. $2\frac{4}{7}$

B. $2\frac{1}{7}$

C. $2\frac{3}{7}$

D. $2\frac{2}{7}$

Cách giải

Phân số $\frac{18}{7}$ bằng hỗn số $2\frac{4}{7}$

Chọn A

Câu 31: Số thích hợp viết vào chỗ chấm để $\frac{2}{5}$ km =m là:

A. 40

B. 400

C. 0,4

D. 25

Cách giải

$$\frac{2}{5} \text{ km} = \mathbf{400} \text{ m}$$

Chọn B

Câu 32: 250% bằng:

A. $\frac{25}{1000}$

B. $\frac{25}{100}$

C. $2\frac{1}{20}$

D. $2\frac{1}{2}$

Cách giải

Ta có $250\% = 2,5 = 2\frac{1}{2}$

Chọn D

Câu 33: Biết $\frac{2}{5}$ chiều dài của một mảnh đất hình chữ nhật là 10m, chiều dài hơn chiều rộng 7m.

Diện tích của hình chữ nhật đó là:

- A. 450m^2 B. 44m^2 C. 800m^2 D. 28m^2

Cách giải

Chiều dài hình chữ nhật là $10 : \frac{2}{5} = 25$ (m)

Chiều rộng mảnh đất là $25 - 7 = 18$ (m)

Diện tích hình chữ nhật là $25 \times 18 = 450$ (m^2)

Chọn A

Câu 34: Biết 12 người làm xong một công việc trong 8 ngày. Hỏi muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày cần bao nhiêu người? (mức làm của mỗi người như nhau)

- A. 24 ngày B. 6 ngày C. 6 người D. 24 người

Cách giải

8 ngày gấp 4 ngày số lần là $8 : 4 = 2$ (lần)

Để làm xong công việc trong 4 ngày cần số người là $12 \times 2 = 24$ (người)

Chọn D

Câu 35: Phát biểu nào dưới đây *sai*?

- A. Mọi phân số có tử số bằng mẫu số đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
 B. Mọi phân số có mẫu số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
 C. Mọi phân số có tử số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.
 D. Phân số có tử số bằng 0 có giá trị bằng 0.

Cách giải

Phát biểu sai là: Mọi phân số có tử số bằng 1 đều viết được dưới dạng số tự nhiên.

Chọn C

Câu 36: Một vận động viên chạy được 576m trong 1 phút 36 giây. Vận tốc chạy của vận động viên đó là:

- A. 6m B. 6m/phút C. 6m/giây D. 6km/giờ

Cách giải

Đổi: 1 phút 36 giây = 96 giây

Vận tốc chạy của vận động viên đó là $576 : 96 = 6$ (m/giây)

Chọn C

Câu 37: Mua 12 chiếc bút chì phải trả 54 000 đồng. Mua 5 chiếc bút chì như vậy phải trả số tiền là:

- A. 22 500 đồng B. 20 500 đồng
C. 27 000 đồng D. 45 000 đồng

Cách giải

Giá tiền mua 1 chiếc bút chì là $54000 : 12 = 4500$ (đồng)

5 chiếc bút chì như vậy phải trả số tiền là $4500 \times 5 = 22500$ (đồng)

Chọn A

Câu 38: Một bể nước dạng hình hộp chữ nhật có chiều dài bằng 2,4m, chiều rộng bằng 1,5m, chiều cao bằng 1,2m. Khi bể chứa đầy nước, người ta tháo ra $1,5\text{m}^3$ nước. Hỏi sau khi tháo, trong bể còn lại bao nhiêu mét khối nước?

- A. $2,82\text{dm}^3$ B. $2,82\text{m}^3$ C. $4,32\text{ m}^3$ D. $5,82\text{ m}^3$

Cách giải

Thể tích của bể là $2,4 \times 1,5 \times 1,2 = 4,32$ (m^3)

Sau khi tháo, trong bể còn lại số mét khối nước là $4,32 - 1,5 = 2,82$ (m^3)

Chọn B

Câu 39: Năm nay mẹ hơn con 28 tuổi. Hỏi 10 năm nữa mẹ hơn con bao nhiêu tuổi?

- A. 48 tuổi B. 28 tuổi C. 18 tuổi D. 38 tuổi

Cách giải

Vì hiệu số tuổi của hai mẹ con không thay đổi theo thời gian nên 10 năm nữa mẹ vẫn hơn con 28 tuổi.

Chọn B

Câu 40: Số thập phân 0,36 viết thành phân số tối giản là:

- A. $\frac{18}{5}$ B. $\frac{18}{50}$ C. $\frac{9}{25}$ D. $\frac{9}{20}$

Cách giải

$$0,36 = \frac{36}{100} = \frac{9}{25}$$

Chọn C